



Báo cáo

THỊ TRƯỜNG HỒ TIÊU

Báo cáo cập nhật bức tranh toàn cảnh về tình hình sản xuất, biến động giá cả, tình hình tiêu thụ và các dự báo về thị trường hồ tiêu trong nước và thế giới.

www.vietnambiz.vn

THÁNG 11
2022

Nội dung:
Hoàng Hiệp

Thiết kế:
Justin Bui

TÓM TẮT	03
PHẦN I: THỊ TRƯỜNG HỒ TIÊU THẾ GIỚI	04
1. Sản xuất	04
2. Xuất khẩu, nhập khẩu	02
3. Diễn biến giá	12
4. Dự báo	14
PHẦN II: THỊ TRƯỜNG HỒ TIÊU VIỆT NAM	16
1. Nguồn cung	16
2. Nhập khẩu	16
3. Tình hình xuất khẩu	17
4. Diễn biến giá	21
5. Dự báo	22
PHẦN III: HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC DOANH NGHIỆP TRONG NGÀNH	23
PHỤ LỤC	26

- 11 tháng năm 2022, xuất khẩu hồ tiêu toàn cầu ghi nhận sự sụt giảm ở hầu hết nhà cung cấp lớn như Việt Nam giảm 15,4%, Brazil giảm 4,5%, Indonesia và Ấn Độ giảm giảm lần lượt là 19,1% và 6%.
- Việt Nam đã trở thành nước nhập khẩu tiêu lớn nhất của Brazil trong 11 tháng qua với khối lượng đạt kỷ lục 17.666 tấn, trị giá 61,2 triệu USD, tăng 2,9 lần về lượng và 3,6 lần về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái.
- Giá tiêu đen thế giới tăng trong tháng 11 nhưng sau đó giảm trở lại từ 3-5% vào nửa đầu tháng 12. Vụ mùa mới sắp tới tại Việt Nam, Nam Brazil và Ấn Độ đã gây áp lực buộc các nhà đầu cơ phải thanh lý hàng tồn kho cũ. Động thái này cùng với các yếu tố kìm tích cực của kinh tế vĩ mô sẽ ảnh hưởng đến giá tiêu trong ngắn hạn và trung hạn.
- Tính đến hết tháng 11, xuất khẩu tiêu của Việt Nam đạt 208.173 tấn, trị giá 896,9 triệu USD, giảm 15,4% về lượng, nhưng tăng 3,4% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021. Với kết quả này, mặt hàng hồ tiêu vẫn chưa thể trở lại nhóm xuất khẩu tỷ đô trong năm nay.
- Giá tiêu tại các tỉnh Tây Nguyên và Nam Bộ tăng 7% trong tháng 11 nhưng đã nhanh chóng giảm trở lại trong nửa đầu tháng 12, với mức giảm 4 – 4,8% (tương ứng giảm 2.500 – 3.000 đồng/kg) xuống còn 57.500 – 60.000 đồng/kg. Thị trường chịu áp lực giảm giá khi nhu cầu vẫn yếu trong khi vụ thu hoạch mới của Việt Nam đang đến gần.
- Áp lực giảm giá hồ tiêu vẫn còn khi nhu cầu từ các thị trường lớn như Mỹ và châu Âu vẫn chưa có nhiều chuyển biến tích cực, trong khi vụ thu hoạch 2023 của Việt Nam đã cận kề và nguồn cung sẽ được bổ sung ra thị trường trong thời gian tới.

PHẦN I:

THỊ TRƯỜNG HỒ TIÊU THẾ GIỚI

Sau khi tăng trong tháng 11, giá tiêu giảm trở lại trong nửa đầu tháng 12 do các thị trường châu Âu và Mỹ nhập khẩu với số lượng hạn chế do chuẩn bị nghỉ lễ Giáng Sinh. Trong khi đó, mặc dù Trung Quốc quay trở lại thị trường, song lượng mua không lớn.

1. Sản xuất

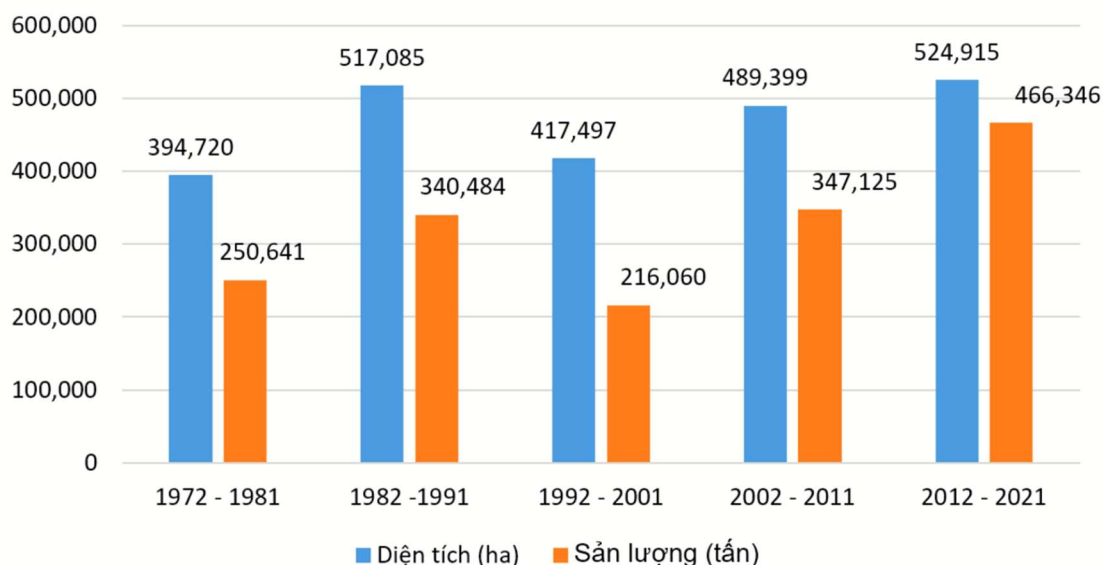
Theo Hiệp hội Hồ tiêu Quốc tế (IPC), trong suốt 50 năm hình thành và phát triển của IPC diện tích hồ tiêu trên thế giới biến động theo xu hướng tăng, với mức tăng 33% trong giai đoạn năm 1972-2021.

Trong đó, diện tích cao nhất ở mức trung bình 524.915 ha trong giai đoạn 2012-2021 và thấp nhất là 394.720 ha trong giai đoạn 1972-1981. Trong 50 năm qua, diện tích trồng tiêu thế giới chỉ giảm duy nhất trong thập kỷ thứ ba (1992-2001) với mức giảm 19% so với thập kỷ thứ hai, ở mức 417.497 ha.

Cũng theo IPC, trong 5 thập kỷ qua sản lượng hồ tiêu thế giới đã tăng đáng kể 86% khi so sánh mức trung bình của thập kỷ đầu tiên kể từ năm 1972 và thập kỷ cuối cùng vào năm 2021, đạt trung bình 324.131 tấn.

Sản lượng hồ tiêu thế giới đạt cao nhất vào giai đoạn 2012-2021 với trung bình 466.346 tấn, bao gồm sản lượng từ các quốc gia IPC chiếm khoảng 75% (tương ứng 350.402 tấn) và các nước sản xuất hồ tiêu khác khoảng 25% (115.944 tấn). Trong giai đoạn này sản lượng tăng cao là do kết quả của việc mở rộng diện tích trồng tiêu sau khi giá đạt đỉnh trong năm 2015-2016.

Trong khi đó, sản lượng thấp nhất được báo cáo ở mức trung bình 216.060 tấn trong giai đoạn 1992-2001.



Biểu đồ 1: Sản lượng trung bình hồ tiêu thế giới trong 50 năm qua (ĐVT; tấn; Nguồn: IPC).

Tiêu thụ trong nước của các quốc gia sản xuất hồ tiêu vào năm 2021 theo ước tính của IPC đạt 215.654 tấn, tăng 3% so với năm trước đó. Trong số các nước sản xuất, Trung Quốc và Ấn Độ là những quốc gia có tỷ lệ tiêu thụ trong nước cao nhất với 35% và 30% thị phần trong tổng lượng tiêu thụ của các nước sản xuất vào năm 2021. Mức tiêu thụ cao từ hai quốc gia này một phần là do quy mô dân số cũng như vai trò quan trọng của hồ tiêu đối với ẩm thực của mỗi nước.

Hồ tiêu được sử dụng cả trong công nghiệp thực phẩm, dược phẩm và nước hoa. Ở các nước phát triển, phần lớn được tiêu thụ bởi ngành công nghiệp thực phẩm trong khi phần còn lại dành cho thị trường bán lẻ và thị trường dịch vụ ăn uống.

Nhu cầu hồ tiêu toàn cầu giai đoạn 1977-2021 (45 năm qua) đã ghi nhận mức tăng 180% khi so sánh năm 1977 với năm 2021, lên mức 286.240 tấn vào năm 2021.

Các nước phát triển tiếp tục là những người tiêu dùng hồ tiêu chính trên thế giới, với mức tăng trưởng 3%/năm trong giai đoạn 2017-2021, tương ứng với sự gia tăng khối lượng tiêu nhập khẩu từ năm 2018-2021 là 2%, 6% và 7%.

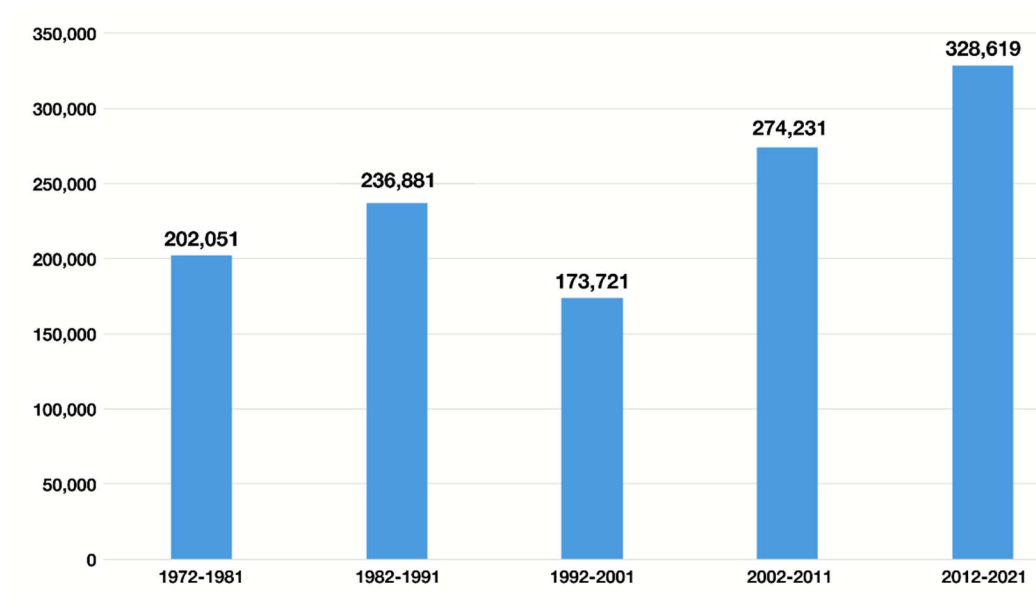
2. Xuất khẩu, nhập khẩu

Nhập khẩu hồ tiêu thế giới cũng cho thấy xu hướng ngày càng tăng, với mức tăng 63% được ghi nhận trong 50 năm qua. Trong đó, khối lượng nhập khẩu cao nhất là mức trung bình là 328.619 tấn trong giai đoạn 2012-2021.

Trong số 15 quốc gia tiêu thụ tiêu hàng đầu, Mỹ được biết đến là thị trường tiêu dùng lớn nhất, chiếm khoảng 26% tổng lượng nhập khẩu trung bình của thế giới.

Còn nếu xét theo khu vực thì châu Âu là khu vực nhập khẩu tiêu lớn nhất, chiếm khoảng 33% thị phần với Đức là nhà nhập khẩu hàng đầu ở khu vực, tiếp theo là Nga, Pháp, Hà Lan, Anh, Tây Ban Nha và Ba Lan.

Singapore trong những năm đầu hoạt động như một trung tâm thương mại hồ tiêu ở khu vực châu Á nhưng sau đó đã giảm dần. Những nước nhập khẩu tiêu lớn khác ở châu Á gồm có Nhật Bản, UAE, Pakistan và Hàn Quốc. Trong khi Ai Cập là quốc gia nhập khẩu tiêu lớn nhất ở châu Phi.

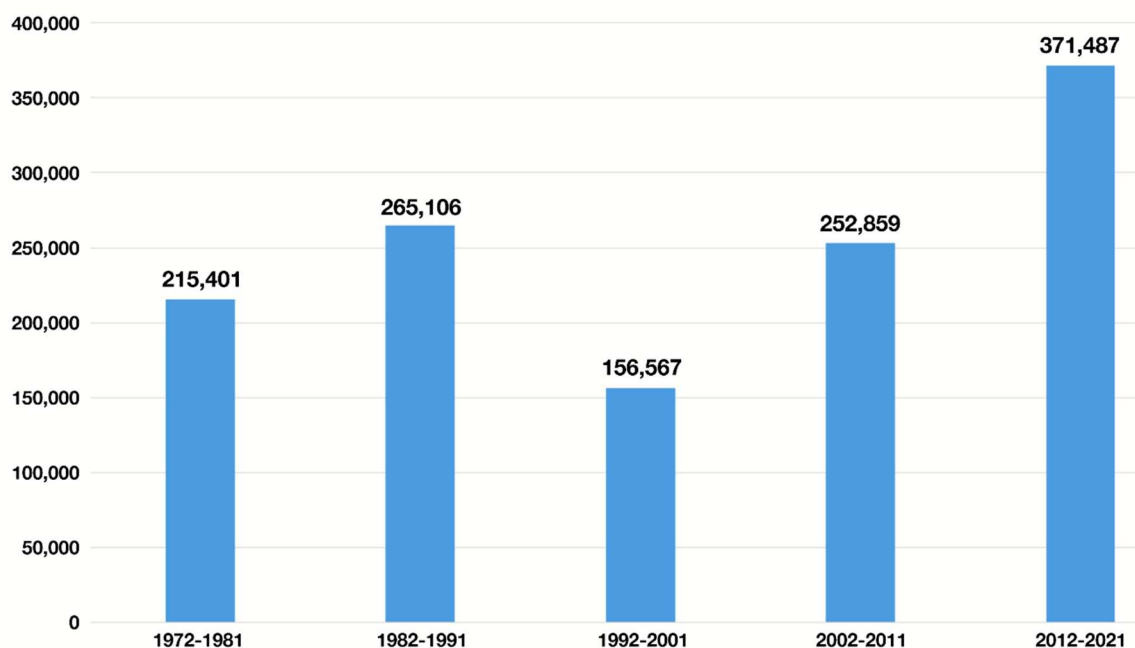


Biểu đồ 2: Nhập khẩu hồ tiêu thế giới từ năm 1972-2021 (ĐVT; tấn; Nguồn: IPC).

Xuất khẩu hồ tiêu thế giới cũng dao động theo xu hướng tăng trong 50 năm qua. Theo số liệu của IPC, xuất khẩu tiêu toàn cầu đã tăng 156.086 (tương ứng tăng 72%) trong thập kỷ đầu tiên bắt đầu từ năm 1972 và thập kỷ cuối cùng vào năm 2021.

Trong giai đoạn từ năm 1972-2021, khối lượng xuất khẩu tiêu toàn cầu cao nhất được ghi nhận tại Việt Nam với mức trung bình 200.173 tấn trong giai đoạn 2012-2021, tăng 95% so với mức bình quân 102.600 tấn của thập kỷ trước đó (2002 – 2011). Nếu so với mức 8.630 tấn trong giai đoạn đầu của những năm 1982-1991, xuất khẩu tiêu của Việt Nam đã tăng gấp 23 lần.

Trong thập kỷ gần nhất 2012-2021, xuất khẩu trung bình hồ tiêu thế giới là 371.487 tấn, tăng 47% so với thập kỷ trước. Ba nước xuất khẩu hàng đầu là Việt Nam (chiếm 54% thị phần), Brazil với 56.162 tấn (chiếm 15%) và Indonesia với 48.835 tấn (chiếm 13%).



Biểu đồ 3: Xuất khẩu hồ tiêu thế giới từ năm 1972-2021 (ĐVT; tấn; Nguồn: IPC).

Trong 11 tháng năm 2022, xuất khẩu hồ tiêu toàn cầu ghi nhận sự sụt giảm ở hầu hết nhà cung cấp lớn như: Việt Nam giảm 15,4%, Brazil giảm 4,5%, Indonesia và Ấn Độ giảm giảm lần lượt là 19,1% và 6%.

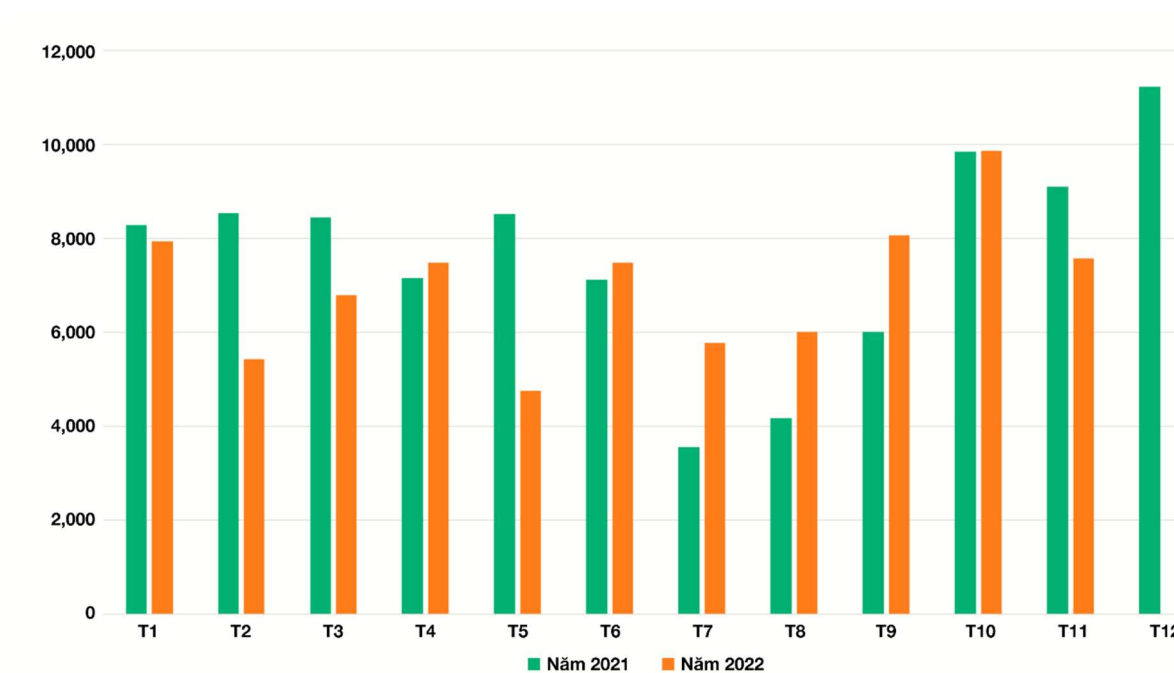
Nguyên nhân được nhận định là nhu cầu thị trường giảm sút do chính sách Zero-COVID của Trung Quốc và lạm phát tăng cao tại nhiều nước, đặc biệt là Mỹ và EU. Bên cạnh đó là sự mất giá đồng tiền của các nước nhập khẩu so với USD.

Tên nước	Tháng 1/2022 (tấn)	Tháng 2/2022 (tấn)	Tháng 3/2022 (tấn)	Tháng 4/2022 (tấn)	Tháng 5/2022 (tấn)	Tháng 6/2022 (tấn)	Tháng 7/2022 (tấn)	Tháng 8/2022 (tấn)	Tháng 9/2022 (tấn)	Tháng 10/2022 (tấn)	Tháng 11/2022 (tấn)	Lũy kế các tháng năm 2022 (tấn)	Lũy kế các tháng so với cùng kỳ năm 2021 (%)
Việt Nam	15.784	14.507	23.727	24.630	21.844	24.210	19.013	18.693	13.864	17.596	16.275	208.173	▼ -15,4
Brazil	7.946	5.429	6.798	7.484	4.767	7.496	5.770	6.010	8.064	9.870	7.587	77.172	▼ -4,5
Indonesia	1.459	2.578	5.188	3.707	2.390	2.947	1.955	2.517	1.747	1.599		26.087	▼ -19,1
Ấn Độ	1.236	1.942	2.183	2.130	2.202	2.009	1.805	1.185	1.268	1.598		17.557	▼ -6,0

Bảng 1: Xuất khẩu hồ tiêu của một số nước trong năm 2022*(Nguồn: Trung tâm Thương mại Quốc tế và cơ quan Hải quan, Thống kê các nước).*

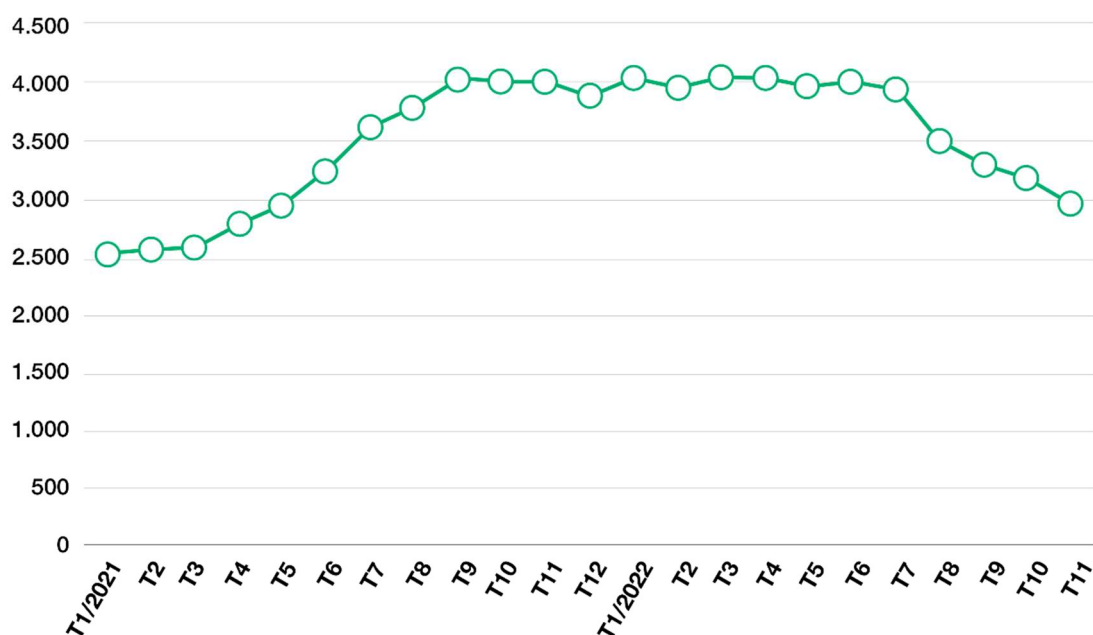
Brazil: Theo số liệu của Trung tâm Thống kê Ngoại thương Nhà nước Brazil (Comex Stat), sau ba tháng tăng liên tiếp xuất khẩu tiêu của Brazil trong tháng 11 đã giảm 23,1% so với tháng trước, xuống còn 7.587 tấn.

Tính đến hết tháng 11, xuất khẩu tiêu của Brazil đạt 77.173 tấn, trị giá 284,4 triệu USD, so với cùng kỳ năm ngoái giảm 4,5% về lượng nhưng tăng 9% về trị giá.

**Biểu đồ 4:** Lượng hồ tiêu xuất khẩu của Brazil qua các tháng năm 2021-2022*(Đơn vị: tấn, Nguồn: Comex Stat).*

Trong tháng 11 giá tiêu xuất khẩu của Brazil tiếp tục giảm xuống mức thấp nhất 18 tháng khi chỉ đạt bình quân 2.969 USD/tấn, giảm 6,6% so với tháng trước và thấp hơn 26% so với cùng kỳ.

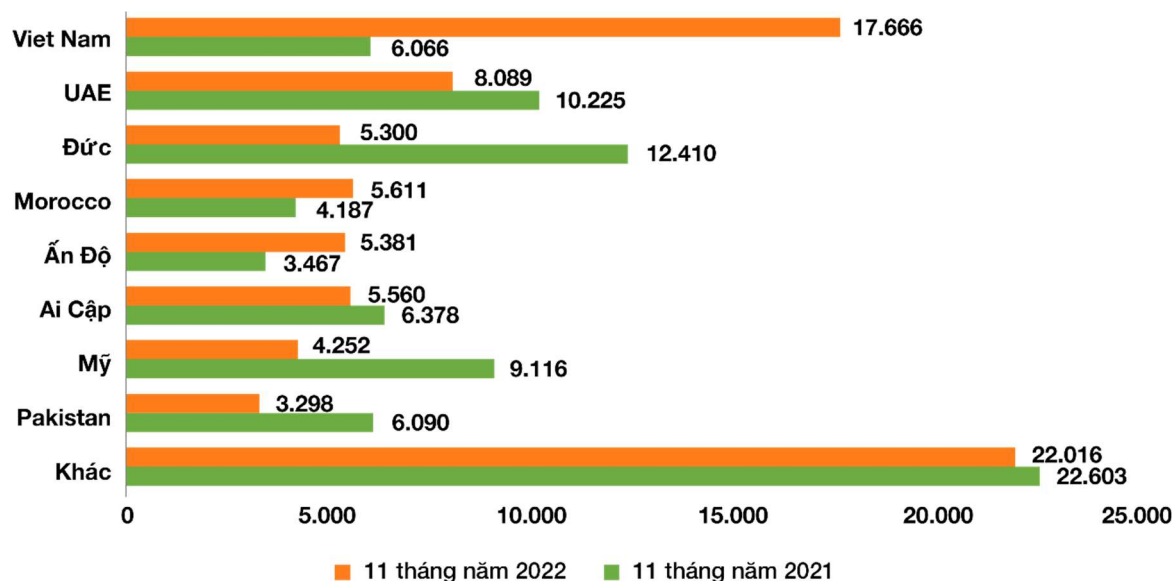
Trên thị trường thế giới, giá tiêu Brazil đang được chào bán ở mức 2.500 USD/tấn, giảm so với 2.575 USD/tấn của tháng trước và thấp hơn đáng kể so với 3.050 – 3.150 USD/tấn của Việt Nam và 3.806 USD/tấn của Indonesia.



Biểu đồ 5: Giá xuất khẩu bình quân hồ tiêu của Brazil qua các tháng năm 2021-2022
(ĐVT: tấn; Nguồn: Comex Stat).

Việt Nam đã trở thành nước nhập khẩu tiêu lớn nhất của Brazil trong 11 tháng qua với khối lượng cao kỷ lục 17.666 tấn, trị giá 61,2 triệu USD, tăng 2,9 lần về lượng và 3,6 lần về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái. Từ đầu năm đến nay, gần 23% trong tổng lượng hồ tiêu xuất khẩu của Brazil đã được vận chuyển đến Việt Nam, tăng mạnh so với mức tỷ trọng chỉ khoảng 7,5% của cùng kỳ.

Tuy nhiên, xuất khẩu tiêu của Brazil sang một số thị trường khác lại giảm như: Mỹ giảm 53,4%, Đức giảm 57,3%, Hà Lan giảm 33,1%, Italy giảm 35,6%, Pháp giảm 46,1%... Hạn chế lớn nhất của Brazil hiện nay đó là sự hiện diện của vi khuẩn Salmonella trên tiêu đen, điều này khiến cho việc xuất khẩu vào các thị trường đòi hỏi yêu cầu chất lượng cao như EU, Mỹ gặp nhiều khó khăn. Trong khi đó, Việt Nam lại đang được biết đến như một trung tâm sản xuất và chế biến hồ tiêu của thế giới.



Biểu đồ 6: Lượng tiêu xuất khẩu của Brazil sang các thị trường trong 11 tháng năm 2022 (ĐVT: tấn; Nguồn: Comex Stat).



Campuchia: Theo Bộ Nông, Lâm, Ngư nghiệp Campuchia, xuất khẩu tiêu của nước này trong 10 tháng đầu năm đạt 7.704 tấn, giảm 72,1% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó 86,3% khối lượng, tương ứng với 6.646 tấn được xuất khẩu sang Việt Nam. Những thị trường khác gồm Đức (928 tấn), Mỹ (26 tấn), Đài Loan (21 tấn)...

Các nhà sản xuất cho rằng nhu cầu đối với loại gia vị này đã bị ảnh hưởng bởi sự suy giảm của nền kinh tế toàn cầu trong bối cảnh cuộc xung đột giữa Nga - Ukraine, đồng Euro suy yếu so với USD và những biến động tỷ giá hối đoái khác.

Theo ông Mak Ny, Chủ tịch Liên đoàn Hồ tiêu và Gia vị Campuchia (CPSF), cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu đã khiến các đơn đặt hàng từ nước ngoài giảm và đẩy giá của loại gia vị này xuống mức trung bình 11.000 Riel/kg (tương ứng 2,64 USD/kg), giảm so với mức 15.000-16.000 Riel/kg của cùng kỳ năm ngoái.

“Các vấn đề về giá và nhu cầu đã khiến xuất khẩu tiêu năm nay giảm mạnh. Tuy nhiên, chúng tôi hy vọng thị trường sẽ phục hồi vào năm tới”, ông Mak Ny cho biết.

Trong khi đó, “Nghị định thư về các yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với xuất khẩu hồ tiêu từ Campuchia sang Trung Quốc” được ký ngày 9/11 đã đánh dấu một bước tiến quan trọng của ngành hồ tiêu Campuchia.

Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Chính sách Campuchia (CPS), Chan Sophal, cho rằng việc xuất khẩu tiêu trực tiếp sang Trung Quốc sẽ chấm dứt sự phụ thuộc của Campuchia vào Việt Nam hoặc các nước lân cận khác để đưa hồ tiêu vào thị trường này, theo *Phnom Penh Post*.

Nhập khẩu



Mỹ: Nhập khẩu hồ tiêu của Mỹ trong tháng 10 tiếp tục giảm 6% so với tháng trước nhưng tăng 1,5% so với cùng kỳ năm ngoái, đạt 6.684 tấn.

Tính đến hết tháng 10, nhập khẩu tiêu của Mỹ đạt 76.113 tấn với giá trị kim ngạch 379,8 triệu USD, giảm 5,4% về lượng nhưng tăng 28% về trị giá, theo số liệu của Ủy ban Thương mại Quốc tế Mỹ (USITC).

Việt Nam vẫn là nguồn cung cấp tiêu lớn nhất cho thị trường Mỹ trong 10 tháng năm nay, đạt 55.767 tấn, trị giá 275,3 triệu USD, tăng 1,1% về lượng và tăng 38,7% về trị giá. Thị phần của Việt Nam trong tổng lượng tiêu nhập khẩu của Mỹ tăng lên mức 73,3% so với 68,6% của cùng kỳ.

Tương tự, lượng tiêu nhập khẩu của Mỹ từ Indonesia và Trung Quốc cũng tăng 1,4% và 34,6%. Tuy nhiên nhập khẩu từ Brazil, Ấn Độ giảm 37,5% và 23,9%.

Tại Mỹ, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) của nền kinh tế lớn nhất thế giới tiếp tục hạ nhiệt trong tháng 11 với mức tăng 7,1% so với cùng kỳ năm ngoái. Đặc biệt mức tăng theo tháng chỉ là 0,1%, thấp nhất trong vòng 1 năm qua.

Để kiểm soát lạm phát, ngày 14/12, FED đã quyết định tăng thêm 0,5 điểm phần trăm, đưa lãi suất lên mức cao nhất kể từ năm 2007 là 4,25-4,5%. Mặc dù mức tăng lãi suất lần này thấp hơn so với mức tăng 0,75 điểm phần trăm tại cuộc họp trước đó do lạm phát có phần hạ nhiệt, nhưng động thái này sẽ làm tăng thêm chi phí của nhiều khoản vay tiêu dùng và kinh doanh cũng như gia tăng nguy cơ suy thoái kinh tế.



Trung Quốc: Trong tháng 10, Trung Quốc nhập khẩu 539,5 tấn hồ tiêu, giảm 36% so với tháng 9 và giảm 41,8% so với cùng kỳ, theo số liệu của Hải quan Trung Quốc.

Như vậy, tính đến hết tháng 10, nhập khẩu tiêu của Trung Quốc chỉ đạt 7.550 tấn, giảm 37,5% so với cùng kỳ năm ngoái. Indonesia và Việt Nam tiếp tục là nguồn cung hồ tiêu lớn nhất cho Trung Quốc trong 10 tháng qua với khối lượng đạt 3.784 tấn và 2.503 tấn, giảm lần lượt là 40,3% và 34,9% so với cùng kỳ.

Trung Quốc là một trong những nước tiêu thụ hồ tiêu lớn nhất thế giới nhưng nước này chủ yếu nhập khẩu tiêu từ Việt Nam theo đường tiểu ngạch. Năm nay, do ảnh hưởng bởi chính sách “Zero COVID” nên xuất khẩu tiêu của Việt Nam sang Trung Quốc qua đường tiểu ngạch cũng thấp hơn nhiều so với các năm trước, trong khi các biện pháp phong tỏa để chống dịch của Trung Quốc khiến nhu cầu tiêu thụ của người dân nước này giảm sút.

Mặc dù vậy, nhu cầu của Trung Quốc được kỳ vọng sẽ phục hồi trở lại trong thời gian tới sau khi nước này dỡ bỏ các hạn chế liên quan đến dịch COVID-19 kéo dài trong gần 3 năm qua để phục hồi kinh tế.



EU: Số liệu từ Cơ quan Thống kê châu Âu (Eurostat) cho thấy, nhập khẩu hồ tiêu của Liên minh châu Âu (EU) trong 9 tháng đầu năm đạt 75.640 tấn, trị giá 390 triệu EUR, giảm 2,4% về lượng nhưng tăng 33,9% về giá trị so với cùng kỳ năm ngoái.

Các nước thành viên EU nhập khẩu 67% lượng tiêu từ thị trường ngoại khối (50.825 tấn) và 33% từ thị trường nội khối (24.814 tấn). Trong đó, nhập khẩu tiêu của EU từ một số thị trường chính ghi nhận sự sụt giảm so với cùng kỳ năm trước như Brazil (-18%), Indonesia (-4,5%), Sri Lanka (-44,3%)...

Ở chiều ngược lại, nhập khẩu từ Việt Nam, nước cung cấp hồ tiêu lớn nhất cho EU tăng 9,7% lên 29.158 tấn. Thị phần của Việt Nam trong tổng lượng tiêu nhập khẩu ngoại khối của EU đã tăng lên mức 57,4% so với 51,4% của cùng kỳ.

Hiệp định EVFTA đã mở ra nhiều cơ hội xuất khẩu cho hàng hóa Việt Nam, trong đó có mặt hàng hồ tiêu và gia vị khi 100% dòng thuế của gia vị được hưởng mức thuế suất 0% ngay khi Hiệp định có hiệu lực. Việc này giúp hồ tiêu Việt có lợi thế cạnh tranh so với các nước xuất khẩu khác như Brazil và Indonesia.

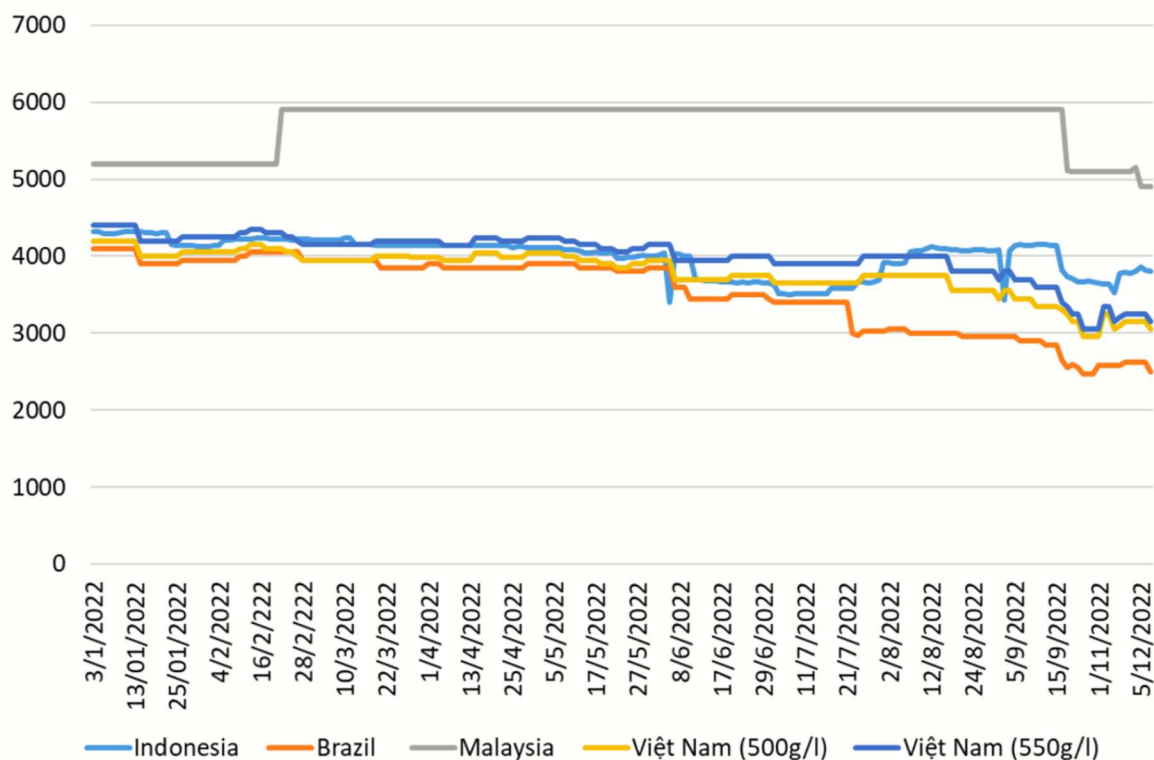
Tuy nhiên, hàng rào lớn nhất của ngành hồ tiêu ở thị trường EU là tiêu chí về dư lượng thuốc bảo vệ thực vật và phân bón. Nội dung của hai tiêu chí này ngày càng nhiều và chặt chẽ hơn. Bên cạnh đó, lạm phát tăng cao tại EU và đồng Euro mất giá so với đồng USD cũng là những yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu hồ tiêu của khu vực.

3. Diễn biến giá

Giá tiêu đen thế giới tăng từ 3 – 7% trong tháng 11 nhưng sau đó giảm trở lại, với mức giảm từ 3-5% vào nửa đầu tháng 12. Tính đến ngày 15/12, giá tiêu đen xuất khẩu của Brazil đã giảm 4,8% so với cuối tháng 11 xuống còn 2.500 USD/tấn, thấp nhất kể từ tháng 10/2020 và cũng là mức giá thấp nhất trên thị trường.

Tại cảng khu vực TP HCM, giá tiêu đen loại 500g/l và 550g/l dao động ở mức 3.050 – 3.150 USD/tấn, giảm hơn 3% (tương ứng 100 USD/tấn) so với cuối tháng 11.

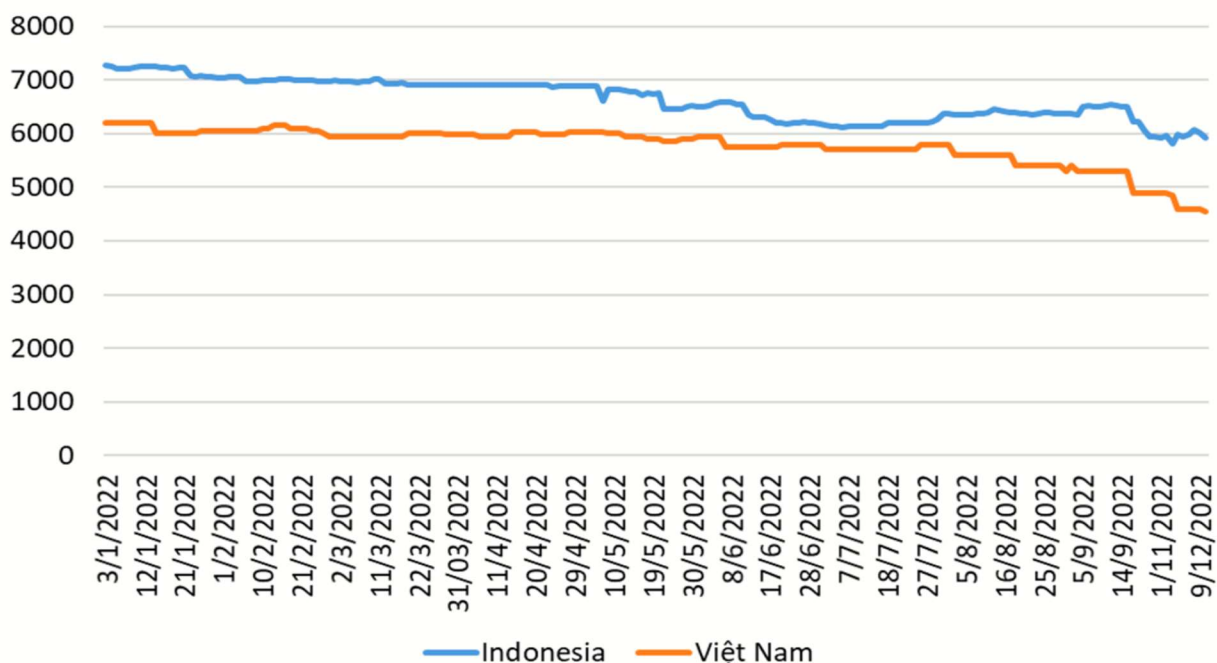
Còn tại Malaysia, giá tiêu đen tại Kuching giảm 3,9% xuống còn 4.900 USD/tấn. Riêng giá tiêu đen tại Indonesia tăng nhẹ 0,8%, đạt 3.806 USD/tấn.



Biểu đồ 7: Giá tiêu đen thế giới từ đầu năm đến nửa đầu tháng 12/2022.
(ĐVT: USD/tấn; Nguồn: IPC).

Trên thị trường tiêu trắng, giá tiêu trắng tại Indonesia tương đối ổn định trong tháng 11 nhưng giảm nhẹ 0,4% trong nửa đầu tháng 12, dao động quanh mức 5.923 USD/tấn.

Giá tiêu trắng ở Việt Nam giảm 6% trong tháng 11 và giảm thêm 1,1% trong nửa đầu tháng 12, xuống còn 4.550 USD/tấn.



Biểu đồ 8: Giá tiêu trắng thế giới từ năm đến nửa đầu tháng 12/2022 (Nguồn: IPC).

4. Dự báo

Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương) dự báo thị trường tiêu thế giới sẽ không biến động mạnh. Các thị trường châu Âu và Mỹ nhập khẩu với số lượng hạn chế do chuẩn bị nghỉ lễ Giáng Sinh. Trong khi đó, mặc dù Trung Quốc quay trở lại thị trường, song lượng mua không lớn.

Còn theo báo cáo mới đây của Tập đoàn Nedspice của Hà Lan, các vụ mùa mới sắp tới tại Việt Nam, Nam Brazil và Ấn Độ đã gây áp lực buộc các nhà đầu cơ phải thanh lý hàng tồn kho vụ cũ. Động thái này cùng với các yếu tố kém tích cực của kinh tế vĩ mô sẽ ảnh hưởng đến giá tiêu trong ngắn hạn và trung hạn.

Sản lượng của Brazil dự kiến sẽ tăng 10% trong năm nay, nhờ các diện tích mới từ các bang miền Nam Espírito Santo và Bahia. Các công ty tại Brazil đang trong quá trình thiết lập các cơ sở khử trùng bằng hơi nước, với nhà máy đầu tiên dự kiến sẽ sớm đi vào hoạt động. Điều này sẽ giúp cho xuất khẩu tiêu từ miền Nam Brazil có thể đáp ứng các yêu cầu của EU về các vấn đề liên quan đến vi khuẩn salmonella, bắt đầu từ nửa đầu năm 2023.

Mặc dù Brazil ghi nhận vụ mùa kỷ lục và sản lượng ổn định ở Việt Nam và hầu hết nước sản xuất khác, nhưng sản lượng toàn cầu vẫn tiếp tục thụt lùi so với nhu cầu, dẫn đến mức dự trữ toàn cầu giảm.



PHẦN II:

THỊ TRƯỜNG HỒ TIÊU VIỆT NAM

Áp lực giảm giá hồ tiêu là vẫn còn khi nhu cầu từ các thị trường lớn như Mỹ và châu Âu vẫn chưa có nhiều chuyển biến tích cực, trong khi vụ thu hoạch 2023 của Việt Nam đã cận kề và nguồn cung sẽ được bổ sung ra thị trường trong thời gian tới.

1. Nguồn cung

UBND tỉnh Đắk Nông đã phê duyệt Quyết định (số 2035/QĐ-UBND) về việc triển khai thực hiện kế hoạch quản lý và kiểm soát đối với Chỉ dẫn địa lý "Đắk Nông" cho sản phẩm hạt tiêu của tỉnh giai đoạn 2022-2025.

Tỉnh Đắk Nông sẽ hỗ trợ xây dựng từ 5 mã số vùng trồng/năm (mỗi mã số vùng trồng từ 1ha trở lên) trong giai đoạn từ 2022-2025.

Hỗ trợ tư vấn, trao quyền sử dụng Chỉ dẫn địa lý hạt tiêu "Đắk Nông" cho 50 chủ thể sản xuất, kinh doanh. Ứng dụng công nghệ thông tin nhằm xây dựng cơ sở dữ liệu số hóa thông tin Chỉ dẫn địa lý trên địa bàn tỉnh. Xây dựng các công cụ, phương tiện số hóa để quản lý Chỉ dẫn địa lý phù hợp với chủ trương chuyển đổi số của Chính phủ...

Từ năm 2002 - 2021 diện tích hồ tiêu trên địa bàn tỉnh Đắk Nông tăng liên tục từ 550 ha lên tới 33.532 ha, sản lượng đạt 54.607 tấn. Năm 2022, diện tích hồ tiêu trên địa bàn tỉnh ước đạt trên 33.500ha, sản lượng đạt trên 60.000 tấn, qua đó đưa Đắk Nông trở thành địa phương có năng suất hồ tiêu cao nhất Việt Nam, góp phần đưa Việt Nam trở thành nước xuất khẩu hồ tiêu hàng đầu thế giới.

2. Nhập khẩu

Theo số liệu của Hiệp hội Hồ tiêu Việt Nam (VPA), trong tháng 11, Việt Nam đã nhập khẩu 2.474 tấn hồ tiêu, tăng 13,8% so với tháng trước.

Tính từ đầu năm đến hết tháng 11, Việt Nam đã nhập khẩu 34.273 tấn hồ tiêu, so với cùng kỳ năm trước tăng 48,9%. Campuchia là quốc gia cung cấp hồ tiêu lớn nhất cho Việt Nam với 12.958 tấn, tăng 126,1%. Tiếp theo là nhập khẩu từ Brazil đạt 11.034 tấn, tăng 93,2%, Indonesia đạt 5.579 tấn, giảm 34,5%.

Olam vẫn là doanh nghiệp nhập khẩu lớn nhất trong 11 tháng đạt 10.139 tấn, giảm 3,5% so với cùng kỳ. Tiếp theo là công ty Trân Châu đạt 3.431 tấn, tăng 481,5%; KSS Việt Nam đạt 2.266 tấn, tăng 28%; Liên Thành đạt 1.458 tấn, tăng 859,2%. Ngoài ra, khối lượng tiêu nhập khẩu của một doanh nghiệp khác cũng tăng rất mạnh như Gia vị Việt Nam tăng hơn 23 lần, Haprosimex JSC tăng 14 lần, Simexco Đắk Lắk tăng 9 lần.

Trong khi một số đơn vị khác năm ngoái không nhập nhưng năm nay nhập trên 2.000 tấn như Hồng Vũ (đạt 2.024 tấn), Quỳnh Trung (2.470 tấn), Thái Sang (4.344 tấn).

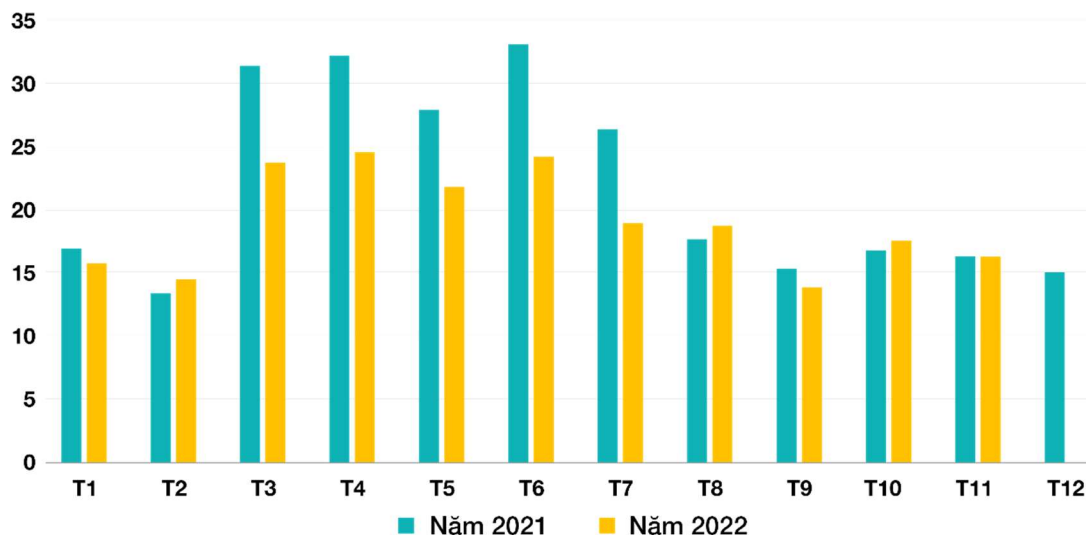
NGUỒN CUNG	THÁNG 11/2022 (TẤN)	SO VỚI THÁNG 10/2022 (%)	11 THÁNG NĂM 2022 (TẤN)	SO VỚI 11 THÁNG NĂM 2021 (%)
Tổng	2.474	▲ 13,8	34.273	▲ 48,9
Campuchia	110	▼ 52,6	12.958	▲ 126,1
Brazil	1.805	▲ 19,4	11.034	▲ 93,2
Indonesia	186	▼ 9,7	5.579	▼ 34,5
Malaysia	71	▲ 24,6	1.167	▲ 48,7
Việt Nam	68	▼ 38,7	1.146	▲ 33,9
Trung Quốc	4	▼ 20,0	377	▲ 43,3
Tây Ban Nha			364	▲ 134,8
Honduras			271	▲ 150,9
Belize			216	▲ 100,0
Singapore	7		175	▲ 13,6
Khác	223	▲ 337,3	986	▲ 34,1

Bảng 2: Việt Nam nhập khẩu hồ tiêu từ các thị trường chính trong tháng 11 và 11 tháng năm 2022 (Nguồn: VPA).

3. Tình hình xuất khẩu

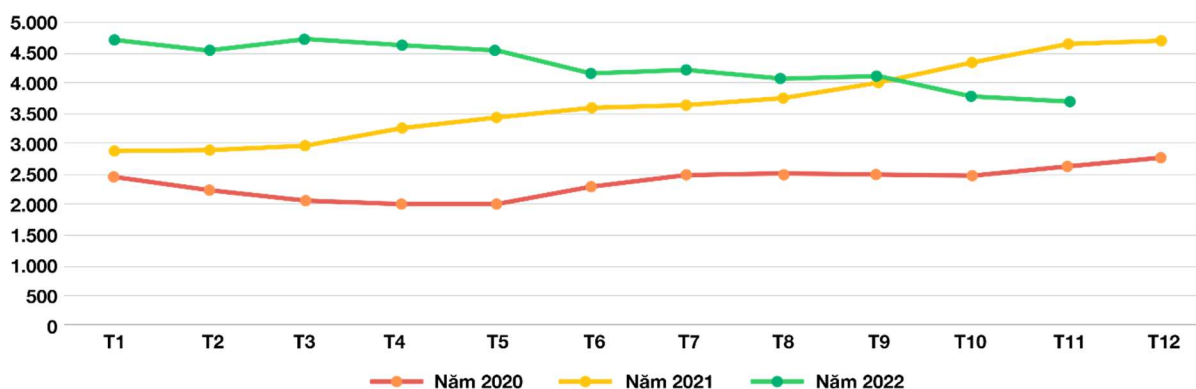
Theo số liệu thống kê từ Tổng cục Hải quan, xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam tháng 11 đạt 16.275 tấn, trị giá 60,3 triệu USD, giảm 7,5% về lượng và giảm 9,4% về trị giá so với tháng trước, đồng thời so với cùng kỳ năm ngoái giảm 0,6% về lượng và giảm 20,5% về trị giá.

Tính chung 11 tháng, xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam đạt 208.173 tấn, trị giá 896,9 triệu USD, giảm 15,4% về lượng, nhưng tăng 3,4% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021. Với kết quả này, mặt hàng hồ tiêu vẫn chưa thể trở lại nhóm xuất khẩu tỷ đô trong năm nay.



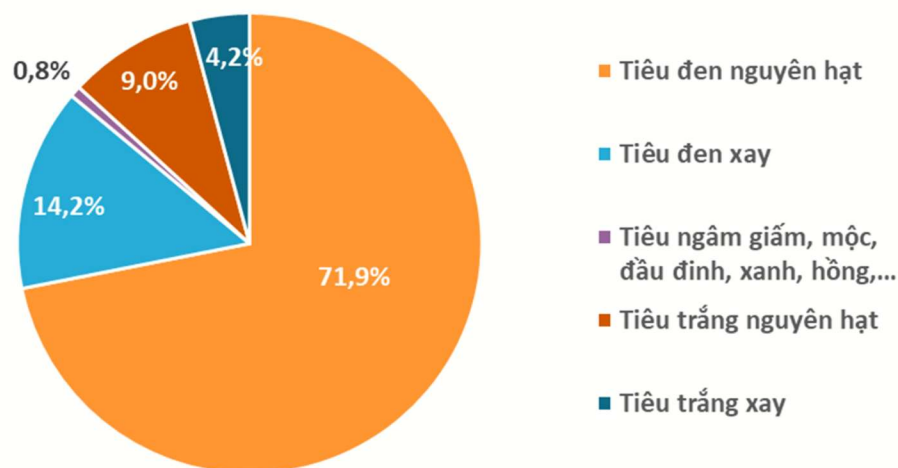
Biểu đồ 9: Xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam năm 2021 - 2022 ĐVT: nghìn tấn
(Nguồn: Số liệu từ Tổng cục Hải quan Việt Nam).

Tháng 11 giá xuất khẩu bình quân hồ tiêu tiếp tục giảm 2,1% so với tháng trước và giảm 20,1% so với cùng kỳ năm 2021, xuống còn 3.706 USD/tấn. Đây cũng là mức giá thấp nhất kể từ tháng 8/2021. Tuy nhiên, tính chung 11 tháng giá xuất khẩu tiêu của Việt Nam vẫn tăng 22,2% so với cùng kỳ, đạt bình quân 4.308 USD/tấn.



Biểu đồ 10: Giá xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam năm 2020 - 2022 (Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Tổng cục Hải quan Việt Nam).

Trong 11 tháng, **tiêu đen nguyên hạt vẫn là chủng loại xuất khẩu nhiều nhất của nước ta, chiếm 71,9% tỷ trọng trong tổng khối lượng xuất khẩu với 152.015 tấn.** Tiếp theo là tiêu đen xay, đạt 30.061 tấn, chiếm 14,2% tỷ trọng; tiêu trắng nguyên hạt với 18.993 tấn, chiếm 9%; còn lại 4,2% là tiêu trắng xay và 0,8% là tiêu ngâm giấm, mộc, đầu đinh, xanh, hồng...



Biểu đồ 11: Tỷ trọng chủng loại hồ tiêu xuất khẩu của Việt Nam tính theo lượng trong 11 tháng năm 2022 (Nguồn: Số liệu tổng hợp từ VPA).

Trung Quốc đã nói lỏng các biện pháp kiểm soát dịch bệnh và dần mở cửa trở lại nhưng nhu cầu của thị trường này vẫn chưa khởi sắc như kỳ vọng. Bên cạnh đó, lạm phát và biến động tỷ giá giữa đồng USD và các đồng tiền khác tiếp tục ảnh hưởng đến nhu cầu nhập khẩu của nhiều thị trường.

Trong tháng 11, xuất khẩu tiêu của Việt Nam sang Mỹ, Đức, Hà Lan...đều giảm so với cùng kỳ năm ngoái. Ngược lại, xuất khẩu tiêu sang UAE, Ấn Độ và đặc biệt thị trường Nga tăng mạnh. Còn với thị trường Trung Quốc, xuất khẩu tiêu sang thị trường này đạt 2.613 USD/tấn, tăng gấp 4,7 lần cùng kỳ năm ngoái nhưng giảm 33,4% so với tháng trước.

Luỹ kế 11 tháng năm 2022, xuất khẩu tiêu của Việt Nam sang các thị trường chính đều giảm so với cùng kỳ năm ngoái như Mỹ giảm 5,8%; đạt 51.937 tấn; Trung Quốc giảm 51,4%, đạt 18.354 tấn; UAE giảm 7,7%, đạt 18.354 tấn; Đức và Hà Lan giảm 26,5%; Pakistan giảm 57,9%; Ai Cập giảm 44,6%...

Mặc dù vậy, vẫn có một số thị trường ghi nhận tăng trưởng trong 11 tháng năm nay như Ấn Độ tăng 3,3%, Philippines tăng 2,7%, Nga tăng 17,5%, Nhật Bản tăng 44%...

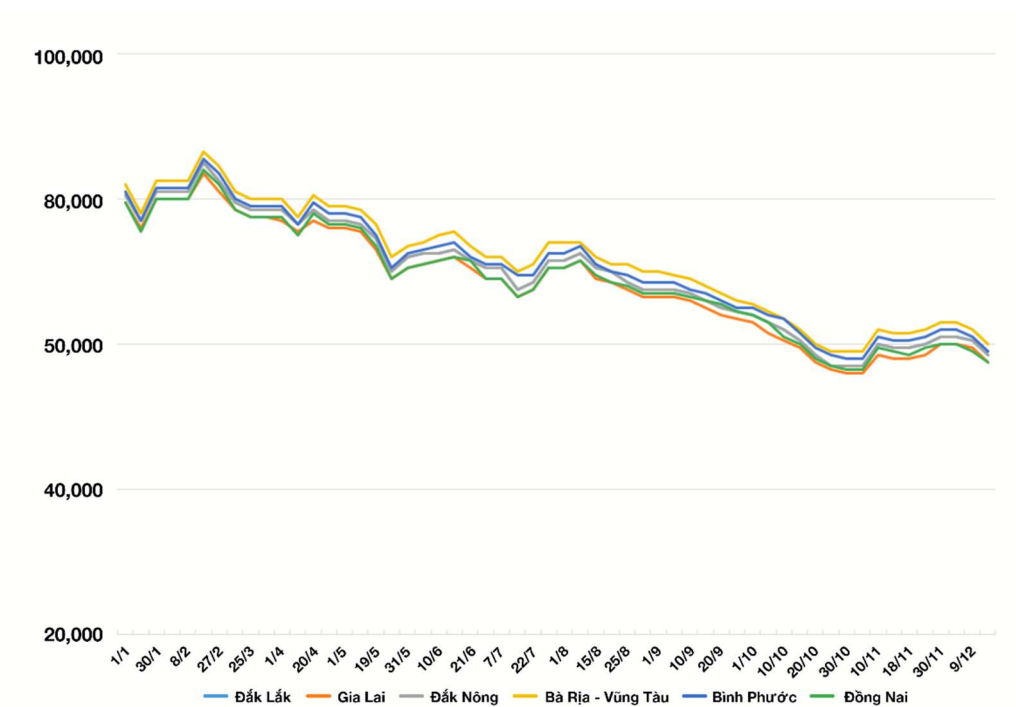
Thị trường	Tháng 11/2022		So với tháng 10/2022 (%)		So với tháng 11/2021 (%)		11 tháng năm 2022		So với 11 tháng năm 2021 (%)	
	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá
Tổng xuất khẩu	16.275	60.317	-7,5	-9,4	-0,6	-20,5	208.173	896.877	-15,4	3,4
Mỹ	3.340	16.416	-22,7	-24,0	-27,4	-23,6	51.937	255.433	-5,8	22,3
Trung Quốc	2.613	6.193	-33,4	-30,4	378,6	224,8	18.354	40.761	-51,4	-53,7
UAE	657	1.880	-30,1	-39,6	17,3	-19,5	14.041	57.997	-7,7	7,7
Ấn Độ	421	1.460	123,9	83,8	19,3	-13,8	11.820	52.086	3,3	29,5
Đức	675	3.241	64,6	61,8	-26,5	-28,2	9.288	47.486	-17,2	-3,8
Hà Lan	550	2.857	52,8	49,6	-53,9	-52,9	8.401	44.396	-9,5	13,2
Philippines	478	1.402	-18,6	-15,7	-5,7	-25,2	6.062	20.283	2,7	8,7
Hàn Quốc	282	1.213	38,9	29,1	-14,5	-13,7	5.856	25.921	1,8	20,0
Nga	571	1.738	-26,2	-33,2	248,2	121,6	5.733	21.666	17,5	20,7
Anh	220	1.048	-34,1	-41,2	-53,6	-55,2	4.953	25.027	-11,7	13,5
Thái Lan	467	2.142	31,2	31,3	-15,4	-29,7	4.861	24.197	9,8	20,5
Nhật Bản	477	1.878	41,1	78,2	5,8	11,3	4.804	18.167	44,0	81,7
Pakistan	392	1.257	106,3	107,8	182,0	100,3	4.198	16.034	-57,9	-52,1
Canada	263	1.117	7,3	-8,0	11,9	-3,7	3.170	15.262	-0,6	22,2
Ai Cập	341	935	-32,1	-49,5	-27,6	-56,5	3.121	11.727	-44,6	-44,3
Pháp	144	677	-25,8	-35,9	-45,0	-41,4	2.885	14.410	-43,1	-22,2
Tây Ban Nha	153	598	-29,5	-32,2	-67,4	-76,5	2.470	11.457	-17,8	-11,7
Thổ Nhĩ Kỳ	152	457	-32,4	-34,9	13,4	-8,2	2.369	8.714	-34,6	-20,7
Ba Lan	317	1.139	140,2	117,5	29,9	-9,1	2.343	9.788	10,2	20,0
Nam Phi	148	494	228,9	251,5	-63,8	-73,0	2.124	9.163	-26,1	-10,7
Ả Rập Xê Út	345	1.109	163,4	146,2	8,5	-36,5	2.030	8.607	-19,4	-14,9
Ả Rập Xê Út	118	326	391,7	366,4	337,0	382,8	1.620	6.081	25,8	55,9
Senegal	164	635	16,3	7,6	15,5	-12,2	1.601	7.172	11,5	24,9
Australia	105	507	-27,1	-32,4	-78,3	-77,3	1.590	7.680	-39,0	-23,8
Algeria	54	163	-1,8	-12,7			1.274	4.308	334,8	590,7
Italy	49	223	-21,0	-19,4	-62,0	-67,6	1.022	4.870	1,7	21,3
Bỉ	37	195	8,8	-15,4	15,6	24,2	810	4.262	7,4	43,9
Singapore	51	206	13,3	-1,2	155,0	103,4	751	3.139	5,5	20,3
Kuwait	40	143	48,1	41,4	166,7	111,6	365	1.588	34,2	50,9
Myanmar							291	1.135		
Ukraine							38	178	-97,4	-96,8
TT khác	2.651	118	8,1	-1,2	25,7	-7,6	27.991	117.884	-0,7	15,0

Bảng 3: Xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam sang các thị trường trong tháng 11 và 11 tháng năm 2022 (Nguồn: Số liệu từ Tổng cục Hải quan Việt Nam và VPA).

4. Diễn biến giá

Trong tháng 11, giá tiêu đen tại các tỉnh Tây Nguyên và Nam Bộ tăng 7% (tương đương 4.000 đồng/kg) trở lại mức 60.000 – 63.000 đồng/kg. Thông tin Trung Quốc nới lỏng chính sách Zero COVID và mua tiêu trở lại nhằm phục vụ nhu cầu tiêu dùng dịp Lễ Tết cuối năm đã tác động tích cực lên thị trường. Bên cạnh đó, các nhà đầu cơ đã cố gắng đẩy giá tăng và thanh lý lượng hàng nắm giữ.

Tuy nhiên, việc tăng giá chỉ tồn tại trong thời gian ngắn và nhanh chóng giảm trở lại trong nửa đầu tháng 12, với mức giảm 4 – 4,8% (tương ứng giảm 2.500 – 3.000 đồng/kg) xuống còn 57.500 – 60.000 đồng/kg tính đến ngày 15/12. Giá chịu áp lực giảm khi nhu cầu từ các nước nhập khẩu lớn như Mỹ và châu Âu vẫn yếu trong khi vụ thu hoạch mới của Việt Nam đang đến gần.



Biểu đồ 12: Diễn biến giá tiêu đen tại các tỉnh Tây Nguyên và Đông Nam Bộ đến 15/12/2022
(Nguồn: *Giatiieu.com*. Đơn vị: đồng/kg).

5. Dự báo

Áp lực giảm giá hồ tiêu là vẫn còn khi nhu cầu từ các thị trường lớn như Mỹ và châu Âu vẫn chưa có nhiều chuyển biến tích cực, trong khi vụ thu hoạch 2023 của Việt Nam đã cận kề và nguồn cung sẽ được bổ sung ra thị trường trong thời gian tới. Bên cạnh đó, lãi suất tăng cao khiến cho các hoạt động đầu cơ trở lên kém hấp dẫn hơn. Tuy nhiên, việc Trung Quốc nới lỏng Zero COVID sẽ phần nào tác động tích cực đến thị trường.

Theo đánh giá thị trường của Nedspice, một số vùng sản xuất tiêu của Việt Nam đã bắt đầu thu hoạch sớm, kết hợp với vụ mùa tại Ấn Độ và Nam Brazil, có khả năng gây áp lực lên giá tiêu trong ngắn hạn.

Tại Hội nghị quốc tế ngành Hồ tiêu Việt Nam 2022 tại Đắk Lắk, hầu hết những người tham gia đều bày tỏ lo ngại về kinh tế toàn cầu, kiểm soát tín dụng và lãi suất ngân hàng.

Nhu cầu từ Trung Quốc trước thềm năm mới âm lịch đã hỗ trợ giá tiêu trong thời gian gần đây, nhưng dự kiến sẽ có nhiều áp lực hơn do nguồn cung từ vụ thu hoạch mới tại Việt Nam chuẩn bị được đưa ra thị trường. Trong khi đó, vẫn chưa thể biết chính xác việc Trung Quốc nới lỏng chính sách Zero COVID sẽ tác động ra sao đến thị trường.



PHẦN III:

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC DOANH NGHIỆP TRONG NGÀNH

Trong tháng 11, Olam, Trân Châu và Nedspice là ba doanh nghiệp xuất khẩu hàng đầu với lượng xuất khẩu lần lượt là 2.308 tấn, 1.116 tấn và 1.090 tấn.

Lũy kế sau 11 tháng, đứng đầu xuất khẩu tiêu của nước ta là công ty Olam Việt Nam đạt 26.018 tấn, tăng 8% so với cùng kỳ. Tiếp theo là công ty Trân Châu đạt 23.558 tấn, tăng 6,4%; Nedspice: 15.343 tấn, giảm 16%; Phúc Sinh: 13.834 tấn, giảm 13%; Haprosimex JSC: 12.392 tấn, tăng 5,2%...

Các doanh nghiệp xuất khẩu tiêu trắng chủ yếu: Olam: 4.859 tấn, Nedspice: 3.422 tấn, Trân Châu: 3.335 tấn, Liên Thành: 1.882 tấn, Phúc Sinh: 1.762 tấn. Khối các doanh nghiệp trong VPA xuất khẩu chiếm 82,4%, giảm 7,8% so với cùng kỳ.

STT	Tên doanh nghiệp	Tháng 11/2022 (tấn)	So với tháng 10/2022 (%)	11 tháng năm 2022 (tấn)	So với 11 tháng năm 2021 (%)
1	Olam Việt Nam	2.308	-0,2	26.018	8,0
2	Pearl Group	1.116	-18,1	23.558	6,4
3	Nedspice Việt Nam	1.090	29,5	15.343	-16,0
4	Phúc Sinh	827	-35,2	13.843	-13,0
5	Haprosimex JSC	463	-43,6	12.392	5,2
6	Harris Freeman	499	78,2	8.177	22,6
7	Liên Thành	430	62,3	6.499	-33,6
8	DK Commodity	583	10,8	6.450	22,8
9	Gia vị Sơn Hà	444	-4,1	5.573	-21,7
10	Prosi Thăng Long	357	-2,2	4.535	36,6
11	Intimex Group	290	-47,0	4.090	-21,6

STT	Tên doanh nghiệp	Tháng 11/2022 (tấn)	So với tháng 10/2022 (%)	11 tháng năm 2022 (tấn)	So với 11 tháng năm 2021 (%)
12	Pitco	356	-32,8	3.989	-5,2
13	Hoàng Gia Luân	187	24,7	3.785	-41,0
14	XNK Logistics Việt Nam	143	-76,0	3.751	156,2
15	Simexco Đắk Lắk	233	-19,1	3.679	-31,6
16	Synthite Việt Nam	226	205,4	3.601	19,4
17	Sinh Lộc Phát	281	-6,0	3.384	-27,4
18	Ottogi Việt Nam			3.288	28,0
19	Ptexim Corp	306	70,0	3.222	-25,6
20	Unispice Việt Nam	348	150,4	2.579	-50,7
21	Quân Giang		-10,6	2.437	18,7
22	Minh Quang Ls	995	1,6	2.294	100,0
23	KSS Việt Nam	188	-76,4	2.089	44,3
24	Expo Commodities	84	0,0	2.019	-39,6
25	Nhật Quang	20	-41,2	1.828	117,6
26	Jayanti Herbs & Spice	124	-85,7	1.690	281,5
27	Hà Tùng Anh	30	-58,9	1.669	100,0
28	Phúc Thành	58	-37,1	1.603	61,3
29	MTV Hồng Phúc Lạng Sơn	603		1.562	187,1
30	Hanfimex Việt Nam	27	-86,1	1.530	-31,8
	Khác	3.809	31,3	35.030	-49,8
	Tổng	16.425	-8,0	211.507	-14,9

Bảng 4: TOP 30 doanh nghiệp xuất khẩu hồ tiêu lớn nhất của Việt Nam trong 10 tháng năm 2022 (Nguồn: Số liệu từ VPA)

Doanh nghiệp xuất khẩu tiêu uy tín năm 2021

Ngày 2/12/2022, Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định số 2615/QĐ-BCT phê duyệt Danh sách “Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín” năm 2021. Bộ Công Thương hy vọng các doanh nghiệp xuất khẩu uy tín Việt Nam sẽ tiếp tục nỗ lực, phát huy thành tích trong thời gian tới để khẳng định vị trí của mình trong cộng đồng doanh nghiệp thế giới.

Trong đó, ngành hàng Hồ tiêu góp mặt 13 doanh nghiệp đạt danh hiệu xuất khẩu uy tín năm 2021:

1	Công ty Cổ phần Tập đoàn Trân Châu
2	Công ty Cổ phần Phúc Sinh
3	Công ty Cổ phần Sản xuất dịch vụ Xuất nhập khẩu Hà Nội
4	Công ty TNHH Chế biến Gia vị Nedspice Việt Nam
5	Công ty TNHH MTV Nông sản DK
6	Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu 2-9 ĐắcLắc
7	Công ty Cổ phần Đầu tư XNK Phúc Thịnh
8	Công ty Cổ phần XNK Petrolimex
9	Công ty Cổ phần Tập đoàn Intimex
10	Công ty TNHH MTV Thương mại XNK Phúc Lợi
11	Công ty Cổ phần Prosi Thăng Long
12	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanfimec Việt Nam
13	Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Phước Tấn

Bảng 5: Các doanh nghiệp xuất khẩu hồ tiêu uy tín năm 2021 (Nguồn: Bộ Công Thương)

NGUỒN THAM KHẢO

Tổng cục Hải quan Việt Nam

Bộ Công Thương

Hiệp hội Hồ tiêu Việt Nam (VPA)

Hiệp hội Hồ tiêu Quốc tế (IPC)

Trung tâm Thống kê Ngoại thương Nhà nước Brazil
(Comex Stat)

Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC)

Ủy ban Thương mại Quốc tế Hoa Kỳ (USITC)

Tổng cục Hải quan Trung Quốc

BẢN QUYỀN

Báo cáo "Thị trường hồ tiêu tháng 11/2022" được biên tập viên mục Hàng hóa của VietnamBiz tổng hợp và trình bày. Các số liệu, thông tin và những phân tích được tổng hợp trong báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin và không được sử dụng như lời khuyên cho việc tư vấn kinh doanh, tài chính và những lĩnh vực chuyên nghiệp khác.

GIỚI HẠN TRÁCH NHIỆM

VietnamBiz sẽ không chịu trách nhiệm bồi thường đối với bất kỳ chi phí, tổn thất hoặc thiệt hại nào cho dù trực tiếp hay gián tiếp, có liên quan tới hoặc là hậu quả của việc sử dụng báo cáo, hoặc liên quan tới những thiếu sót, sai sót.

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Thông tin và tài liệu trong báo cáo được nỗ lực tổng hợp dưới dạng sẵn có một cách chính xác nhất có thể. Tuy nhiên, tác giả không đảm bảo tính chính xác, sự thích hợp hay đầy đủ của các thông tin và số liệu, đồng thời tuyên bố miễn trừ hoàn toàn trách nhiệm đối với các lỗi hoặc thiếu sót trong các thông tin và số liệu này.

ĐỂ THEO DÕI NHỮNG BÁO CÁO GẦN NHẤT CỦA CHÚNG TÔI, XIN TRUY CẬP ĐỊA CHỈ:



Báo cáo thị trường hồ tiêu
tháng 8/2022



Báo cáo thị trường hồ tiêu
quý III/2022



Báo cáo thị trường hồ tiêu
tháng 10/2022



Mục "Báo cáo ngành hàng" -
VietnamBiz

MỌI Ý KIẾN ĐÓNG GÓP VỀ BÁO CÁO THỊ TRƯỜNG, VUI LÒNG LIÊN HỆ VỚI:

Trịnh Huyền Trang

Thư ký toà soạn phụ trách mục Hàng hóa – trang TTĐTTH VietnamBiz

Hotline: 099 522 2999

Email: info@vietnambiz.vn



Địa chỉ: Lầu 3 Tòa nhà COMPA Building, 293 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh

Chi nhánh: Số 5, ngõ 38A, Phố Trần Phú, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, TP Hà Nội

Hotline: 093 818 9222 **Email:** info@vietnambiz.vn

Vận hành bởi  VIETNEWS CORP